

**THỰC NGHIỆM NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIÁO DỤC
CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM**

Hoàng Thị Hải Yến^{*1}, Trần Thị Huyền², Phạm Hồng Ngọc³ và Nguyễn Trang Nhung⁴

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Hải Yến, e-mail: yenthth@hnue.edu.vn.

Ngày nhận bài: 9/4/2026. Ngày sửa bài: 21/4/2026. Ngày nhận đăng: 23/4/2026.

Tóm tắt: Thực trạng bất bình đẳng giới (BĐG) trong giáo dục vẫn còn tồn tại trên thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt đối với học sinh dân tộc thiểu số. Tại các trường học, một số hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục cho học sinh đã được triển khai, song vẫn còn rất hạn chế những hoạt động của công tác xã hội (CTXH) trường học, trong đó có hoạt động thực nghiệm thông qua phương pháp CTXH nhóm. Dựa trên phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS, nghiên cứu tiến hành phân tích, so sánh về mức độ nhận thức của học sinh trước và sau thực nghiệm trên cả hai nhóm khách thể là nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sau thực nghiệm, mức độ nhận thức ở tất cả các nội dung của nhóm học sinh tham gia thực nghiệm có sự biến đổi mạnh mẽ so với trước thực nghiệm và điều này không được tìm thấy ở nhóm học sinh đối chứng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn hiệu quả của hoạt động.

Từ khóa: Bình đẳng giới trong giáo dục, công tác xã hội nhóm, nâng cao nhận thức, dân tộc thiểu số

**ENHANCING AWARENESS OF GENDER EQUALITY IN EDUCATION AMONG
ETHNIC MINORITY STUDENTS THROUGH GROUP SOCIAL WORK**

Hoang Thi Hai Yen^{*1}, Tran Thi Huyen², Pham Hong Ngoc³ and Nguyen Trang Nhung⁴

Hanoi National University of Education, Ha Noi city, Vietnam

^{*}Corresponding author: Hoang Thi Hai Yen, e-mail: yenthth@hnue.edu.vn.

Received April 9, 2026. Revised April 21, 2026. Accepted April 23, 2026.

Abstract: Gender inequality in education remains a persistent issue globally and in Vietnam, particularly among ethnic minority students. Although school-based initiatives aimed at raising gender equality awareness have been implemented, school social work interventions specifically experimental activities employing group work methods remain strictly limited. Utilizing a mixed-methods design incorporating questionnaire surveys analyzed via SPSS software, this study analyzes and compares students' awareness levels pre- and post-intervention across both an experimental group and a control group. The findings indicate that following the intervention, the experimental group showed a significant increase in awareness across all evaluated domains, whereas no significant change was observed in the control group. Based on these empirical results, the paper proposes key recommendations to improve the overall effectiveness of school social work interventions in educational settings.

Keywords: Gender equality in education, group social work, awareness, ethnic minority students.

1. Mở đầu

Giáo dục là quyền con người cơ bản của mọi người. Để đảm bảo giáo dục chất lượng, hòa nhập và công bằng cho tất cả mọi người, điều vô cùng quan trọng là phải giải quyết những vấn

đề bình đẳng giới trong giáo dục (Inter-agency Network for Education in Emergencies [INEE], 2019, tr.11, 13). Để đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục cần có cách tiếp cận giáo dục dựa trên quyền, đảm bảo rằng trẻ em gái và trẻ em trai, phụ nữ và nam giới đều có cơ hội tiếp cận, hoàn thành các bậc học và được trao quyền bình đẳng trong và thông qua giáo dục (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization [UNESCO], 2015, tr.7, 12). Thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục đòi hỏi phải đáp ứng các nhu cầu khác nhau của trẻ em gái, trẻ em trai, phụ nữ và nam giới, đồng thời đảm bảo rằng họ đều được nhập học, tham gia và đạt thành tích trong giáo dục cũng như học tập suốt đời.

Tuy nhiên trên thực tế, thực trạng bất bình đẳng giới trong giáo dục vẫn tồn tại. Ở phạm vi toàn cầu, năm 2020 vẫn còn khoảng 132 triệu trẻ em trai trong độ tuổi tiểu học và trung học không được đến trường; tại 57 quốc gia có dữ liệu, bé trai 10 tuổi có kỹ năng đọc hiểu thấp hơn bé gái và nam sinh có nguy cơ lưu ban cao hơn (UNESCO, 2024, tr.31, 43). BĐG trong giáo dục chưa được hoàn thành một cách toàn diện, đặc biệt tại các quốc gia thu nhập thấp và nhóm yếu thế (UNESCO, 2025). Tại Việt Nam, các gia đình DTTS có xu hướng ưu tiên đầu tư cho trẻ em trai đi học cao hơn trẻ em gái; trẻ em gái phải dành nhiều thời gian hơn để làm các công việc gia đình so với trẻ em trai cùng độ tuổi; ở các vùng Trung du, Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, tỷ lệ trẻ em gái hoàn thành cấp THPT thấp hơn hẳn so với trẻ em nam khi xét trong cùng một mức thu nhập hộ gia đình thu nhập thấp (Tổng cục Thống kê & UNICEF, 2021, tr.54-56).

Phòng ngừa, giảm thiểu và tiến tới xóa bỏ tình trạng bất BĐG trong giáo dục đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực và sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng. Hệ thống giáo dục có thể đóng vai trò then chốt trong việc đạt được BĐG rộng hơn thông qua thúc đẩy những chuẩn mực, niềm tin và thái độ tích cực (INEE, 2019, tr.12). Để giải quyết những vấn đề về bất bình đẳng giới trong giáo dục, một trong số những cách thức tiếp cận là xây dựng một hệ thống giáo dục đáp ứng giới. Giáo dục đáp ứng giới giải quyết các rào cản trên cơ sở giới, tôn trọng sự khác biệt về giới, và đảm bảo các cơ cấu, hệ thống và phương pháp giáo dục có tính nhạy cảm giới; đảm bảo cân bằng giới và từng bước thu hẹp khoảng cách cũng như xóa bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở giới trong giáo dục (INEE, 2019, tr.15). Để thực hiện được các nội dung này, một trong số những nhiệm vụ đặt ra là phải nâng cao nhận thức cho chính đối tượng học sinh về bình đẳng giới trong giáo dục, đặc biệt là nhóm học sinh dân tộc thiểu số. Ở Việt Nam, đây cũng là một trong số những nội dung quan trọng được đề cập (Bộ Giáo dục và đào tạo [Bộ GD&ĐT], 2025).

Từ góc độ tiếp cận của Công tác xã hội (CTXH) trường học, CTXH nhóm được xem là một trong những phương pháp hiệu quả giúp học sinh được nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục. Tuy nhiên, trên thực tế các hoạt động nâng cao nhận thức theo phương pháp CTXH nhóm tại các trường còn rất mờ nhạt, đặc biệt là tại các trường học miền núi. Chính vì vậy, nội dung bài viết này sẽ tập trung chỉ rõ những kết quả đạt được của học sinh khi các em được tham gia thực nghiệm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục theo phương pháp CTXH nhóm, qua đó cho thấy tính hiệu quả ban đầu của việc vận dụng phương pháp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động.

2. Tổng quan nghiên cứu

**** Nghiên cứu về bình đẳng giới trong giáo dục***

Những nội dung quan trọng về bình đẳng giới trong giáo dục cũng đã được chỉ ra trong các công ước và thỏa thuận quốc tế: Điều 28 về quyền được học tiểu học và trung học miễn phí và bắt buộc, Điều 29 về quyền được giáo dục nhằm phát triển sự tôn trọng đối với quyền con người tại Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em (CRC) (United Nations, 1989). Công ước về Xóa bỏ mọi Hình thức Phân biệt đối xử đối với Phụ nữ (CEDAW) tại điều 10 quy định về quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục (United Nations, 1979); Nguyên tắc 23 trong các Nguyên tắc hướng dẫn về người bị di dời trong nước nhấn mạnh quyền của tất cả mọi người được tiếp cận giáo dục và sự cần thiết phải có những nỗ lực đặc biệt để đảm bảo phụ nữ

và trẻ em gái được tiếp cận các chương trình giáo dục (United Nations, 1998). Với việc ra mắt Các Mục tiêu Toàn cầu về Phát triển Bền vững (SDGs) vào năm 2015, cộng đồng quốc tế đã cam kết đảm bảo một nền giáo dục chất lượng, công bằng và hòa nhập cho tất cả mọi người (SDG4), đồng thời thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái (SDG5) (United Nations, 2015). Trong Chương trình Nghị sự vì Nhân loại, trách nhiệm cốt lõi số 3 - Không để ai bị bỏ lại phía sau, cam kết trao quyền và bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời xóa bỏ khoảng cách trong giáo dục đối với trẻ em, thanh thiếu niên và giới trẻ nói chung trong đó cũng đề cập đến vấn đề bình đẳng giới trong giáo dục (United Nations, 2016).

*** Nghiên cứu về thực trạng nhận thức của học sinh về BĐG trong giáo dục**

Trên thực tế, thực trạng nhận thức của học sinh, học sinh DTTS về BĐG trong giáo dục vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong nhận thức về năng lực học tập, một bộ phận học sinh vẫn tin vào định kiến con trai thông minh hơn và học các môn tự nhiên tốt hơn con gái (Lê, 2019, tr.16-17). Liên quan đến nội dung nhận thức về sự ưu tiên trong giáo dục, khoảng 25% học sinh được khảo sát đồng ý với quan điểm cho rằng khi kinh tế gia đình khó khăn, con trai nên được ưu tiên đi học hơn con gái, điều này cho thấy tư tưởng trọng nam khinh nữ và định kiến giới truyền thống vẫn còn ảnh hưởng đáng kể đến một bộ phận học sinh, đặc biệt là trong các gia đình ở miền núi (H.T.T. Nguyễn, 2018, tr.47). Trong việc lựa chọn ngành học, các lĩnh vực như kỹ thuật, vật lý được đóng khung là lĩnh vực của học sinh nam, học sinh nữ có xu hướng nghi ngờ khả năng thành công của bản thân trong các lĩnh vực học mang định kiến nam giới, khiến họ kém tự tin vào năng lực bản thân (Watt et al, 2017, tr.255) hoặc nữ giới không nên học các ngành kỹ thuật nặng nhọc (H.T.T. Nguyễn, 2018, tr.48). Khi được hỏi về nghề nghiệp tương lai, 78,4% học sinh nam tin rằng mình phù hợp với các công việc kỹ thuật, quản lý và lãnh đạo; 72,1% học sinh nữ tự nhận thức rằng mình chỉ phù hợp với các công việc thuộc khối ngành xã hội, chăm sóc hoặc phục vụ (giáo viên mầm non, may mặc, nội trợ) (Plan International Việt Nam, 2020, tr.42-43). Điều này phản ánh các em chưa nhận thức được sự đa dạng trong lựa chọn nghề nghiệp mà vẫn bị đóng khung bởi các khuôn mẫu giới tại cộng đồng.

*** Nghiên cứu về phương pháp CTXH nhóm trong hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh về BĐG trong giáo dục**

Việc hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh, trong đó có học sinh DTTS là việc làm cần thiết qua đó góp phần thúc đẩy giáo dục chất lượng, hòa nhập và công bằng. Để nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục cho học sinh, giáo viên định hướng cho học sinh soi chiếu những điểm bất hợp lý trong việc mô tả vai trò của nam và nữ trong sách giáo khoa, tài liệu học tập...; xây dựng môi trường lớp học nhạy cảm giới, thay đổi cách giáo dục trong lớp học dựa trên giới tính qua đó giúp học sinh hình thành nhận thức thông qua quan sát và trải nghiệm hàng ngày; cùng học sinh thảo luận và thiết lập các quy định chung về sự tôn trọng, không sử dụng ngôn ngữ xúc phạm liên quan đến giới tính hoặc xu hướng tính dục; học sinh được khám phá năng lực cá nhân tập trung vào kỹ năng và đam mê thay vì giới tính... (UNESCO, 2019, tr.34-36). Tuy nhiên các nội dung này chủ yếu được giáo viên triển khai thông qua các phương pháp như trò chơi đóng vai, dự án học tập, lồng ghép trong nội dung chương trình và sách giáo khoa, lồng ghép trong phương pháp giảng dạy... mà chưa có sự vận dụng các phương pháp chuyên nghiệp từ góc độ tiếp cận của CTXH trong trường học.

Công tác xã hội hỗ trợ nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục là quá trình người làm CTXH sử dụng phương pháp, hình thức và triển khai các hoạt động CTXH phù hợp qua đó giúp nâng cao nhận thức về BĐG cho các nhóm đối tượng có liên quan, trong đó có đối tượng đích là học sinh. Hoạt động CTXH hỗ trợ nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục trong nhà trường được xây dựng và triển khai dựa trên nội dung của hoạt động nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục nói chung và hoạt động phòng ngừa những vấn đề khó khăn của công tác xã hội trong trường học nói riêng, trong đó có thể kể đến các hoạt động trọng tâm như: Hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về cơ hội tiếp cận giáo dục, hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức về nghề

nghiệp và định hướng nghề nghiệp nhằm xóa bỏ định kiến giới. Những nội dung này cũng đã được quy định trong các căn cứ quan trọng như Luật Bình đẳng giới 2006 (Quốc hội, 2006); Quyết định số 28/NQ-CP ban hành Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (Chính phủ, 2021); Thông tư 18/2025/TT-BGDĐT về hướng dẫn Công tác tư vấn học đường và CTXH trường học (Bộ GD&ĐT, 2025); Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Bộ GD&ĐT, 2020). Một trong những phương pháp giáo dục nâng cao nhận thức hiệu quả cho học sinh là phương pháp sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm. CTXH nhóm là một phương pháp can thiệp của công tác xã hội. Đây là một tiến trình trợ giúp trong đó các thành viên nhóm được tạo cơ hội và môi trường có các hoạt động tương tác lẫn nhau, tham gia vào các hoạt động nhóm nhằm đạt được mục tiêu chung của cả nhóm, hướng đến giải quyết những mục đích của cá nhân thành viên, giải tỏa những vấn đề khó khăn (Nguyễn, 2012, tr.34). Tuy nhiên, trên thực tế các hoạt động nâng cao nhận thức theo phương pháp CTXH nhóm tại các trường còn rất mờ nhạt và chưa thực sự đem lại hiệu quả tốt, đặc biệt là tại các trường học miền núi. Mặt khác, rà soát các nghiên cứu về CTXH, CTXH nhóm trong hỗ trợ nâng cao nhận thức về một số vấn đề có liên quan đến học sinh DTTS ở Việt Nam cho thấy các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào hướng hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh dân tộc thiểu số về các vấn đề như phòng ngừa lao động trẻ em, phòng ngừa nguy cơ bỏ học sớm, phòng ngừa ý định tự tử... (Hoàng, 2022, 2024), (Hoang, Nguyen & Do, 2021). Một số nghiên cứu có đề cập đến hoạt động thực nghiệm nâng thông qua phương pháp CTXH nhóm nhưng mới chỉ dừng lại nâng cao nhận thức về phòng ngừa lao động trẻ em cho học sinh dân tộc thiểu số (Hoang&Pham, 2025), (Hoàng, 2025). Rõ ràng, chưa có công trình đánh giá một cách có hệ thống về hoạt động CTXH nhóm hỗ trợ nâng cao nhận thức về BDG trong giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số và thực nghiệm nâng cao nhận thức về BDG trong giáo dục cho học sinh thông qua phương pháp CTXH nhóm. Chính vì thế, việc thực hiện nghiên cứu thực nghiệm hỗ trợ nâng cao nhận thức cho nhóm học sinh dân tộc thiểu số theo phương pháp CTXH nhóm là cần thiết và có ý thực tiễn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành thực nghiệm trên nhóm khách thể bao gồm 12 học sinh thuộc trường PTDTNT THCS Chợ Mới, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, cơ bản học sinh sẽ học tập và sinh hoạt tại trường, chính vì thế nên các hoạt động thực nghiệm có thể tổ chức tập trung, liên tục và không bị gián đoạn. Bên cạnh đó, trong môi trường này, học sinh nam và nữ cùng chia sẻ không gian chung, vì vậy các hành vi, định kiến hay sự tôn trọng giới tính được bộc lộ rất rõ qua học tập và sinh hoạt hằng ngày, qua đó tác giả có thể dễ dàng quan sát, đánh giá và tiến hành các hoạt động thực nghiệm. Mặt khác, đặt trong bối cảnh trường học thuộc địa bàn miền núi, có sự đa dạng của các dân tộc thiểu số nhưng cũng tồn tại những định kiến giới. Học sinh dân tộc thiểu số tại đây có nguy cơ phải chịu những hệ quả từ chính những định kiến giới đó, đặc biệt là nhóm học sinh từ 11–15 tuổi – học sinh THCS – lứa tuổi quan trọng cần được giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, bình đẳng giới trong giáo dục để có những định hướng đúng đắn cho tương lai.

Dựa trên nguyên tắc chọn mẫu thuận tiện có chủ đích, nghiên cứu lựa chọn nhóm thực nghiệm bao gồm 6 học sinh nam và 6 học sinh nữ, các em là người dân tộc Tày và Dao, cơ bản có sự tương đồng về trình độ học vấn (học sinh khối 8,9) và có chung vấn đề gặp phải: chưa có kiến thức đầy đủ về bình đẳng giới trong giáo dục. Các thành viên nhóm sẽ tham gia sinh hoạt câu lạc bộ theo phương pháp CTXH nhóm. Đây là loại hình nhóm giáo dục, với mục đích chính là nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục qua đó giúp giáo dục phòng ngừa, hạn chế tình trạng bất bình đẳng giới, do đó nghiên cứu lựa chọn quy mô nhóm với số lượng là 12 thành viên – quy mô phù hợp với loại hình và mục đích nhóm trong CTXH nhóm. Hoạt động của nhóm sẽ được tiến hành theo tiến trình của phương pháp CTXH nhóm với bốn giai đoạn:

(1) Chuẩn bị thành lập nhóm; (2) Nhóm bắt đầu hoạt động; (3) Can thiệp và thực hiện nhiệm vụ; (4) Kết thúc nhóm (L.T. T. Nguyễn, 2008, tr.129) và thông qua các buổi sinh hoạt nhóm cụ thể với những chủ đề liên quan đến nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tiến hành đối chứng trên nhóm khách thể gồm 12 học sinh. Nhóm này cũng có sự tương đồng về các đặc điểm nhân khẩu, trình độ học vấn và có sự tương đương về nhận thức đầu vào (kết quả được chỉ ra cụ thể trong nội dung về mức độ nhận thức của cả hai nhóm trước thực nghiệm) so với nhóm thực nghiệm, tuy nhiên các em sẽ không tham gia vào các chương trình sinh hoạt nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục theo tiến trình của phương pháp CTXH nhóm.

Tiến trình thực nghiệm được thực hiện qua ba giai đoạn: (1) Kiểm tra trước thực nghiệm; (2) Tiến hành thực nghiệm nâng cao nhận thức BĐG trong giáo dục cho học sinh theo phương pháp CTXH nhóm; (3) Kiểm tra sau thực nghiệm.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng trong nghiên cứu. Nghiên cứu tiến hành thu thập và đánh giá mức độ nhận thức của học sinh trên các khía cạnh: nhận thức chung về bình đẳng giới trong giáo dục (4 items); nhận thức về bình đẳng giới trong cơ hội tiếp cận giáo dục (4 items) và nhận thức về bình đẳng giới trong định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới (4 items). Thang đo về mức độ nhận thức của học sinh được đánh giá theo 4 mức độ với các mức điểm như sau: mức độ 1 (mức độ yếu - giá trị trung bình từ từ 1 đến dưới 1,75 điểm), mức độ 2 (mức độ trung bình - giá trị trung bình từ từ 1,75 đến dưới 2,5), mức độ 3 (mức độ khá - giá trị trung bình từ từ 2,5 đến dưới 3,25), mức độ 4 (mức độ tốt - giá trị trung bình từ từ 3,25 đến 4). Kết quả của phương pháp này sẽ được xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS qua đó giúp làm rõ các kết quả miêu tả, so sánh trước và sau thực nghiệm ở học sinh.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Mô tả khái quát về hoạt động thực nghiệm theo phương pháp CTXH nhóm

Các hoạt động cụ thể để tiến hành nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục cho nhóm học sinh được tiến hành cụ thể trong giai đoạn 3 của CTXH nhóm – giai đoạn tập trung hoạt động. Ở giai đoạn này, nhân viên xã hội sẽ tổ chức 9 buổi sinh hoạt nhóm theo các chủ đề hỗ trợ, bao gồm:

Hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh về bình đẳng giới trong giáo dục nói chung (3 buổi), bao gồm: Các khái niệm có liên quan (Giới, giới tính, BĐG, BĐG trong giáo dục), biểu hiện và hậu quả của bất BĐG trong giáo dục (Buổi 1); Các hình thức bắt nạt, quấy rối, bạo lực học đường liên quan đến giới, phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới (Buổi 2); Đảm nhận và chia sẻ trách nhiệm trong tập thể dựa trên năng lực cá nhân (Buổi 3).

Hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh về bình đẳng giới trong tiếp cận giáo dục (3 buổi), bao gồm: Nhận thức về quyền được giáo dục cơ bản, không phân biệt nam hoặc nữ; Nhận diện về những cản trở của trẻ em gái và những khó khăn của trẻ em trai trong việc tiếp cận giáo dục (Buổi 2); Tiếp cận các nguồn lực học tập một cách bình đẳng, không ưu tiên dựa trên giới tính (Buổi 3).

Hỗ trợ nâng cao nhận thức cho học sinh về định hướng nghề nghiệp nhằm xóa bỏ định kiến giới (3 buổi): Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp phá bỏ khuôn mẫu giới (Buổi 1); Khám phá năng lực, sở thích nghề nghiệp (Buổi 2); Xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, kế hoạch nghề nghiệp phù hợp (Buổi 3).

Sau các buổi sinh hoạt ở giai đoạn tập trung hoạt động và sau giai đoạn lượng giá chung (giai đoạn 4), nhân viên xã hội sẽ đánh giá sự thay đổi của học sinh sau khi các em được tham gia câu lạc bộ. Trước đó, trong giai đoạn 1 và 2, nhân viên xã hội sẽ tiến hành khảo sát thực trạng nhận thức của các em trước khi các em tham gia để có sự so sánh, đối chiếu trước và sau thực nghiệm.

4.2. Kết quả hoạt động thực nghiệm theo phương pháp CTXH nhóm.

Khảo sát về mức độ nhận thức nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm, nghiên cứu tiến hành đánh giá trên ba khía cạnh: (1) Nhận thức của học sinh về BĐG trong giáo dục nói chung, (2) Nhận thức của học sinh về BĐG trong cơ hội tiếp cận giáo dục, (3) Nhận thức BĐG trong định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra:

*** Mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm (N=24)**

Trước thực nghiệm, kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ nhận thức về BĐG trong giáo dục nói chung của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm là tương đương nhau và đều ở mức trung bình với ĐTB lần lượt là 2,35 và 2,23. Học sinh ở cả hai nhóm nhận thức mức khá về khái niệm có liên quan: giới, giới tính, BĐG, BĐG trong giáo dục, nhóm đối chứng ĐTB = 2,67, nhóm thực nghiệm ĐTB = 2,50; trong khi những nội dung còn lại được học sinh đánh giá ở mức 2, mức trung bình.

Sau thực nghiệm, mức độ nhận thức về BĐG trong giáo dục của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm được nghiên cứu chi rõ trong Bảng 1:

Bảng 1. Mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong giáo dục của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm (N=24)

TT	Nội dung phát biểu	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
		ĐTB	Mức độ	ĐTB	Mức độ
1	Hiểu rõ các khái niệm có liên quan: giới, giới tính, bình đẳng giới, bình đẳng giới trong giáo dục	2,75	3	3,25	3
2	Nhận biết được biểu hiện và hậu quả của bất bình đẳng giới trong giáo dục	2,58	2	3,33	4
3	Nhận diện được các hình thức bắt nạt, quấy rối liên quan đến giới tính, xu hướng tính dục; phòng chống bạo lực học đường trên cơ sở giới	2,33	2	3,58	4
4	Hiểu việc đảm nhận, chia sẻ trách nhiệm trong tập thể dựa trên năng lực cá nhân thay vì mặc định dựa trên cơ sở giới	2,50	2	3,16	3
5	ĐTB	2,54	2	3,33	4

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2026)

Kết quả Bảng 1 cho thấy mức độ nhận thức về BĐG trong giáo dục sau thực nghiệm của học sinh nhóm thực nghiệm (ĐTB=3,33) cao hơn học sinh nhóm đối chứng (ĐTB=2,54). Đối với nhóm đối chứng, sau thực nghiệm, mức độ nhận thức về BĐG trong giáo dục của học sinh đều đạt ở mức 2 (mức trung bình), riêng nội dung hiểu rõ các khái niệm có liên quan: giới, giới tính, BĐG, BĐG trong giáo dục đạt mức 3 với ĐTB = 2,75 (mức khá). Trong khi đó, với nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm, mức độ nhận thức về tất cả các nội dung đều đạt mức khá và mức tốt. Qua đó cho thấy khi được tham gia thực nghiệm, các em đã có sự thay đổi rõ rệt về nhận thức liên quan đến BĐG trong giáo dục. Trong đó, các nội dung nhận thức về nhận diện diện được các hình thức bắt nạt, quấy rối liên quan đến giới tính, xu hướng tính dục và hiểu việc đảm nhận và nhận biết được biểu hiện và hậu quả của bất bình đẳng giới trong giáo dục ở nhóm thực nghiệm có sự biến đổi mạnh nhất so với nhóm đối chứng với ĐTB lần lượt ở ba nhóm là 3,58-2,33 và 3,33-2,58.

*** Mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong cơ hội tiếp cận giáo dục của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm (N=24)**

Trước thực nghiệm, nghiên cứu cho thấy mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong cơ hội

tiếp cận giáo dục của học sinh nhóm đối chứng và học sinh nhóm thực nghiệm ở mức trung bình với ĐTB lần lượt là 2,31 và 2,22. Phần lớn, các nội dung liên quan đến nhận thức về BDG trong cơ hội tiếp cận giáo dục được học sinh ở cả hai nhóm đánh giá ở mức 2 (mức trung bình).

Sau thực nghiệm, kết quả về mức độ nhận thức về BDG trong cơ hội tiếp cận giáo dục của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm được thể hiện thông qua Bảng 2:

Bảng 2. Mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong cơ hội tiếp cận giáo dục của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm (N=24)

TT	Nội dung phát biểu	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
		ĐTB	Mức độ	ĐTB	Mức độ
1	Nhận thức về quyền được giáo dục cơ bản, không phân biệt nam hoặc nữ	2,58	2	3,41	4
2	Nhận thức về những cản trở của trẻ em gái và những khó khăn của trẻ em trai trong việc tiếp cận giáo dục	2,67	3	3,16	3
3	Hiểu và tự tin tham gia các môn học, các hoạt động học tập dựa trên năng lực, sở thích cá nhân mà không lo bị phán xét về giới	2,50	3	3,41	4
4	Hiểu rằng mọi học sinh đều được tiếp cận các nguồn lực học tập một cách bình đẳng, không ưu tiên dựa trên giới tính	2,17	2	3,66	4
5	ĐTB	2,48	2	3,41	4

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2026)

Kết quả Bảng 2 chỉ ra rằng sau thực nghiệm nhóm thực nghiệm có mức độ nhận thức cao hơn đạt mức độ 4 với ĐTB = 3,41 (tăng 1,19 so với trước thực nghiệm), trong khi đó nhóm đối chứng đạt mức độ trung bình với ĐTB = 2,48 (mức độ 2). Sau thực nghiệm, nhóm thực nghiệm có mức độ nhận thức cao hơn nhóm đối chứng ở tất cả các nội dung liên quan đến BDG trong cơ hội tiếp cận giáo dục và hầu hết đều đạt ở mức 4. Trong đó, các nội dung nhận thức về hiểu rằng mọi học sinh đều được tiếp cận các nguồn lực học tập một cách bình đẳng, không ưu tiên dựa trên giới tính và hiểu và tự tin tham gia các môn học, các hoạt động học tập dựa trên năng lực, sở thích cá nhân mà không lo bị phán xét về giới có sự biến đổi rõ rệt nhất so với nhóm đối chứng với ĐTB lần lượt ở hai nhóm là 3,66-2,17; 3,41-2,50.

***Mức độ nhận thức về bình đẳng giới về định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm (N=24)**

Nghiên cứu tiến hành khảo sát mức độ nhận thức của học sinh về bình đẳng giới trong định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới trước thực nghiệm, kết quả đánh giá của học sinh đối chứng và thực nghiệm đều ở mức trung bình với ĐTB lần lượt là 2,41 và 2,29. Sau thực nghiệm, kết quả mức độ nhận thức về BDG trong định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm được trình bày trong Bảng 3:

Bảng 3. Mức độ nhận thức về bình đẳng giới trong định hướng nghề nghiệp nhằm xóa bỏ định kiến giới của học sinh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm (N=24)

TT	Nội dung phát biểu	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm	
		ĐTB	Mức độ	ĐTB	Mức độ
1	Em được tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp và phá vỡ khuôn mẫu “nghề của nam – nghề của nữ”	2,83	3	3,41	4
2	Em được khám phá năng lực của bản thân thông qua các bài trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp tập trung	2,50	2	3,75	4

	vào tính cách, năng lực...thay vì đặc điểm giới tính				
3	Được tìm hiểu các câu chuyện, tấm gương thành công trong các lĩnh vực vốn bị coi là trái giới tính	2,92	3	3,33	4
4	Được hỗ trợ xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch nghề nghiệp của cá nhân phá bỏ định kiến giới	2,42	2	3,83	4
5	ĐTB	2,66	3	3,58	4

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2026)

Kết quả Bảng 3 cho thấy sau thực nghiệm, nhóm thực nghiệm có mức độ nhận thức cao hơn, các nội dung khảo sát đều đạt mức độ 4 (mức độ tốt) với ĐTB = 3,58 (tăng 1,29 so với trước thực nghiệm), và cao hơn học sinh nhóm đối chứng với ĐTB = 2,66. Học sinh sau khi tham gia thực nghiệm đều có sự thay đổi về mức độ nhận thức về thể giới nghề nghiệp, phá vỡ khuôn mẫu “nghề của nam – nghề của nữ” (ĐTB=3,41); các em được khám phá năng lực của bản thân thông qua các bài trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp tập trung vào tính cách, năng lực thay vì đặc điểm giới tính (ĐTB=3,75); được tìm hiểu các câu chuyện, tấm gương thành công trong các lĩnh vực vốn bị coi là trái giới tính (ĐTB=3,33) và được hỗ trợ xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch nghề nghiệp của cá nhân phá bỏ định kiến giới (ĐTB=3,83). Trong đó, các nội dung nhận thức về được khám phá năng lực của bản thân thông qua các bài trắc nghiệm sở thích nghề nghiệp tập trung vào tính cách, năng lực...thay vì đặc điểm giới tính và được hỗ trợ xây dựng kế hoạch học tập và kế hoạch nghề nghiệp của cá nhân phá bỏ định kiến giới ở nhóm thực nghiệm có sự biến đổi rõ rệt nhất so với nhóm đối chứng với ĐTB lần lượt ở hai nhóm là 3,75-2,50 và 3,83-2,42.

Như vậy, kết quả khảo sát về mức độ nhận thức về BĐG trong giáo dục nói chung, BĐG trong cơ hội tiếp cận giáo dục và BĐG trong định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến của nhóm học sinh thực nghiệm và nhóm đối chứng cho thấy: (1) Trước khi tham gia thực nghiệm, từ các kết quả thu thập được cho thấy, mức độ nhận thức về các nhóm nội dung của học sinh nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm cơ bản tương đương nhau và ở mức trung bình; (2) Kết quả khảo sát sau thực nghiệm cho thấy nhóm học sinh tham gia thực nghiệm có sự biến đổi mạnh mẽ về mức độ nhận thức ở tất cả các nội dung có liên quan đến BĐG trong giáo dục; Mức độ nhận thức ở nhóm đối chứng sau thực nghiệm mặc dù có chiều hướng tăng nhẹ nhưng không đáng kể, đây có thể là kết quả của quá trình tự nhận thức ở học sinh thông qua một số nội dung, phương pháp, hình thức đã và đang được triển khai ở nhà trường. Sự khác biệt này chứng minh đây chính là kết quả của các biện pháp tác động khi nhóm học sinh được tham gia câu lạc bộ nhóm nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục, mà điều này không có ở nhóm đối chứng. Như vậy, có thể khẳng định biện pháp tác động xây dựng mô hình CTXH nhóm nhằm nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục cho nhóm học sinh ban đầu đã có hiệu quả và khả thi.

4.3. Bàn luận

Với những nội dung đã trình bày, bài viết góp thêm những dữ liệu mô tả sự thay đổi rõ rệt về nhận thức BĐG trong giáo dục khi học sinh được tham gia thực nghiệm theo phương pháp CTXH nhóm. Điều này đã cho thấy thực nghiệm biện pháp ban đầu đã cho thấy tính hiệu quả và khả thi. Lí giải về sự hiệu quả của hoạt động thực nghiệm thông qua phương pháp CTXH, một mặt nghiên cứu đã dựa trên những căn cứ pháp lí quan trọng liên quan đến việc nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục và việc triển khai hoạt động CTXH, CTXH trong trường học. Trong đó có nhấn mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua một số hình thức chủ yếu, trong đó có thành lập các câu lạc bộ phù hợp với nhu cầu của học sinh (Bộ GD&ĐT, 2020; Bộ GD&ĐT, 2025). Mặt khác, để có thể tiến hành thực nghiệm nâng cao nhận thức cho học sinh theo phương pháp CTXH nhóm, nghiên cứu cũng cần dựa trên các kết quả khảo sát thực tiễn cụ thể trên nhóm khách thể 195 học sinh tại Trường THCS Chợ Mới. Với những cơ sở lí luận và thực tiễn này, việc vận dụng phương pháp CTXH nhóm trong thực tế đã cho thấy sự

biến đổi rõ rệt trong nhận thức của học sinh về BĐG trong giáo dục trước và sau thực nghiệm. Kết quả này cũng cho thấy sự tương đồng với một số nghiên cứu thực nghiệm trước đó nhằm nâng cao nhận thức phòng ngừa một số vấn đề khó khăn cho học sinh DTTS thông qua phương pháp CTXH nhóm (Hoàng & Phạm, 2025; Hoàng, 2025).

Mặc dù những kết quả này đã cho thấy tính hiệu quả ban đầu của việc thực hành mô hình CTXH nhóm, tuy nhiên thời gian tiến hành hoạt động thực nghiệm còn ngắn dẫn tới việc có thể chưa bao quát được hết các nội dung cần phải trang bị về mặt nhận thức về BĐG trong giáo dục cho học sinh. Mặt khác, với cỡ mẫu nhỏ (12 học sinh thực nghiệm, 12 học sinh đối chứng) cũng phần nào làm hạn chế tính khái quát của nghiên cứu. Đây cũng chính là hạn chế của nghiên cứu. Do đó, đảm bảo hơn nữa tính bền vững của mô hình này trong nâng cao BĐG trong giáo dục tại trường học, cần thiết phải tăng cường một số giải pháp:

Thứ nhất, nhà trường cần xây dựng phương hướng triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục trong kế hoạch phát triển của cả năm học; thay đổi các hình thức, phương pháp tổ chức, tập trung nhiều hơn vào việc xây dựng các mô hình sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm phòng ngừa để học sinh được tham gia chủ động và tích cực hơn; tạo điều kiện để các hoạt động này được triển khai trong các điều kiện đảm bảo về không gian, thời gian, quy mô thành viên nhóm phù hợp...

Thứ hai, đội ngũ cán bộ, giáo viên triển khai các hoạt động CTXH trường học có vai trò chủ chốt trong công tác giáo dục, nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục cho học sinh. Chính vì vậy, các nhà trường cần có những chiến lược tăng cường các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ về công tác xã hội, công tác xã hội nhóm, về BĐG, BĐG trong giáo dục...

Thứ ba, bên cạnh mô hình phòng ngừa, các nhà trường cũng cần tập trung hơn nữa vào mô hình hỗ trợ, can thiệp nhằm kịp thời trợ giúp học sinh khi các em có những vấn đề khó khăn liên quan đến bất BĐG trong giáo dục hoặc khi đã trở thành nạn nhân của bất BĐG trong giáo dục. Một số vấn đề khó khăn mà học sinh có thể gặp phải liên quan đến bất BĐG trong giáo dục như: áp lực khuôn mẫu giới, rào cản trong học tập và định hướng nghề nghiệp, bạo lực học đường trên cơ sở giới, khó khăn trong giao tiếp và quan hệ xã hội... Trước những khó khăn đó, học sinh rất cần các mô hình hỗ trợ kịp thời và hiệu quả, đặc biệt là từ góc độ của CTXH trường học và CTXH nhóm.

Thứ tư, để nâng cao nhận thức về BĐG trong giáo dục đòi hỏi sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của gia đình, nhà trường và cộng đồng. Do đó, cần kết hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về BĐG trong nhà trường, trong gia đình và ngoài cộng đồng; nhằm góp phần xây dựng môi trường giáo dục bình đẳng, an toàn và phù hợp... từ đó thúc đẩy hoạt động đạt hiệu quả tốt hơn.

5. Kết luận

Bài viết đã tập trung nghiên cứu và chỉ ra những nội dung khảo sát về mức độ nhận thức của học sinh về BĐG trong giáo dục trên các khía cạnh: (1) Nhận thức của học sinh về BĐG trong giáo dục nói chung, (2) Nhận thức của học sinh về BĐG trong cơ hội tiếp cận giáo dục, (3) Nhận thức BĐG về định hướng nghề nghiệp xóa bỏ định kiến giới. Nội dung bài viết đã chỉ ra trước khi tham gia thực nghiệm, mức độ nhận thức về các nội dung có liên quan đến BĐG của học sinh nhóm thực nghiệm và đối chứng cơ bản tương đương nhau, ở mức trung bình; Sau thực nghiệm, mức độ nhận thức ở tất cả các nội dung của nhóm học sinh tham gia thực nghiệm có sự biến đổi mạnh mẽ so với trước thực nghiệm và điều này không được tìm thấy ở nhóm học sinh đối chứng. Kết quả này giúp khẳng định tính hiệu quả ban đầu của hoạt động nâng cao nhận thức về BĐG cho học sinh theo phương pháp CTXH nhóm. Những kết quả này đã góp phần bổ sung, hoàn thiện ý nghĩa lý luận về CTXH nhóm trong hỗ trợ nâng cao nhận thức BĐG trong giáo dục cho học sinh. Bài viết cũng đề xuất một số giải pháp cụ thể qua đó giúp đảm bảo hơn nữa tính

bền vững của mô hình này trong việc nâng cao BDG trong giáo dục tại trường học từ thực tiễn trường THCS Chợ Mới, Thái Nguyên. Và để có những đánh giá sâu sắc hơn nữa về vấn đề này, một số định hướng nghiên cứu có thể được bàn bạc và xem xét sâu hơn như: Tính đặc thù và nhạy cảm giới trong CTXH nhóm hỗ trợ nâng cao nhận thức về BDG cho học sinh DTTS; Tăng cường các yếu tố nguồn lực CTXH nhóm hỗ trợ nâng cao nhận thức về BDG cho học sinh DTTS; CTXH nhóm hỗ trợ nâng cao nhận thức về BDG cho học sinh DTTS trong bối cảnh công nghệ số...

Ghi chú về tác giả: TS. Hoàng Thị Hải Yến là giảng viên tại Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Trần Thị Huyền, Phạm Hồng Ngọc, Nguyễn Trang Nhung là Sinh viên K72 tại Khoa Công tác xã hội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Tác giả 1: Xây dựng ý tưởng, viết bản thảo, giám sát, chỉnh sửa; tác giả 2: Xây dựng ý tưởng, xử lý dữ liệu, hoàn thiện nội dung; tác giả 3: chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung; tác giả 4: chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 18/2025/TT-BGDĐT: Hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học*.
- Chính phủ. (2021). *Nghị quyết số 28/NQ-CP: Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030*.
- Hoàng, T. H. Y. (2022). Nguy cơ bỏ học và hoạt động hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số có nguy cơ bỏ học tại trường THPT Minh Quang, Tuyên Quang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 67(1), 144–151. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2022-0016>.
- Hoang, T. H. Y. (2024). Applying group social work process in supporting raising awareness and enhancement of child labor prevention skills for students. *HNUE Journal of Science*, 69(4), 132–142. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2024-0063>.
- Hoàng, T. H. Y. (2025). *Công tác xã hội trong phòng ngừa lao động trẻ em tại các trường trung học cơ sở tỉnh Lai Châu* [Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội]. Thư viện số Học viện Khoa học xã hội. <http://gass.edu.vn/Detail/12345>.
- Hoàng, T. H. Y., & Phạm, H. L. (2025). Enhancing students' child labor prevention awareness and skills through the group social work method. *HNUE Journal of Science*, 70(4), 130–140. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2025-0063>.
- Hoang, T. H. Y., Nguyen, T. H., & Do, N. T. P. (2021). School social work in preventing suicide ideation among minority ethnic boarding students in Vietnam. *American Journal of Applied Psychology*, 10(6), 156–161. <https://doi.org/10.11648/j.ajap.20211006.14>.
- Inter-agency Network for Education in Emergencies. (2019). *Tài liệu hướng dẫn về giới của INEE*. <https://www.inee.org>.
- Lê, T. K. C. (2019). Thực trạng nhận thức về bình đẳng giới của học sinh dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay. *Tạp chí Tâm lí học*, 5(242), 12–24. <http://vjol.info.vn/index.php/nctlh/article/view/42704>.
- Nguyễn, T. T. H. (2018). Nhận thức về bình đẳng giới của học sinh trung học phổ thông người dân tộc thiểu số tại một số tỉnh miền núi phía Bắc. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 14(10), 45–50.
- Nguyễn, T. T. L (2008). *Giáo trình Công tác xã hội nhóm*. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

- Plan International Việt Nam. (2020). *Báo cáo nghiên cứu: Thúc đẩy quyền của trẻ em gái và bình đẳng giới tại Việt Nam*. <https://plan-international.org/vietnam/publications/>
- Quốc hội. (2006). *Luật Bình đẳng giới (Số: 73/2006/QH11)*.
- Tổng cục Thống kê, & UNICEF. (2021). *Thực trạng trẻ em và phụ nữ dân tộc thiểu số tại Việt Nam: Phân tích từ kết quả Điều tra thu thập thông tin về trạng thái kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- UNESCO. (2015). *A guide for gender-equality in teacher education policy and practices* (pp. 7, 12). United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- UNESCO. (2019). *Tài liệu hướng dẫn thực hành: Xây dựng môi trường nhà trường an toàn, bình đẳng và không bạo lực trên cơ sở giới* (tr.34–36). NXB Giáo dục Việt Nam.
- UNESCO. (2022). *Leave no child behind: Global report on boys' disengagement from education*. UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381106>
- UNESCO. (2025). *Global education monitoring report 2025: Gender report – Women lead for learning*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000393701>.
- United Nations. (1979). *Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women*. <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/convention-elimination-all-forms-discrimination-against-women>.
- United Nations. (1989). *Convention on the Rights of the Child*. <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/convention-rights-child>
- United Nations. (1998). *Guiding Principles on Internal Displacement*. <https://www.unhcr.org/protection/idps/43ce1cff2/guiding-principles-internal-displacement.html>.
- United Nations. (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. <https://sdgs.un.org/goals>.
- United Nations. (2016). *Agenda for Humanity: Annex to the Report of the Secretary-General for the World Humanitarian Summit*. <https://www.agendaforhumanity.org/agendaforhumanity>
- Tổng cục Thống kê, & UNICEF. (2021). *Thực trạng trẻ em và phụ nữ dân tộc thiểu số tại Việt Nam: Phân tích từ kết quả Điều tra thu thập thông tin về trạng thái kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- Watt, H. M., Hyde, J. S., Petersen, J., Morris, Z. A., Rozek, C. S., & Harackiewicz, J. M. (2017). Mathematics - A critical filter for STEM-related career choices? A longitudinal examination among Australian and US adolescents. *Sex Roles*, 77, 254-271.